

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2020/DS-PT
Ngày 24 - 11 - 2020
V/v tranh chấp về dân sự -
Quyền sử dụng đất, HĐ tặng,
cho QSD đất và Chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14/7/2020, ngày 15/10/2020 và ngày 24/11/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLPT- DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Quyền sử dụng đất; Hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất và Chia thừa kế”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1933 (Đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 226, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Hữu K, sinh năm 1958 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 68, ấp 2, xã 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số nhà 150, ấp T1, xã T2, huyện L tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà 789, ấp 4, xã Ba Sao, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị Đ sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 148B, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số nhà 148A, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D: Bà Võ Thị G, sinh năm 1957 (Có mặt). Địa chỉ: Khóm Mỹ Tây, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2020).

7. Nguyễn Hữu P, sinh năm 1967 (Đã chết năm 1997);

Người thừa kế thế vị của ông P:

- Nguyễn Quang C1, sinh năm 1994 (Con ruột ông P);

- Nguyễn Thị P1, sinh năm 1996 (Con ruột ông P).

Cùng địa chỉ: Số nhà 115A, ấp Khánh Mỹ B, xã 2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Hữu Đ2, sinh năm 1973 (Đã chết năm 2014).

Người kế thừa kế thế vị của ông Đ2:

- Nguyễn Trung Q, sinh năm 1995 (Con ruột ông Đ2);

- Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1999 (Con ruột ông Đ2);

- Nguyễn Ngọc K1, sinh năm 2001 (Con ruột ông Đ2).

Cùng địa chỉ: Số nhà 148, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Trung Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số nhà 148, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970 (Có mặt). Địa chỉ: Số nhà 103, đường Chi Lăng, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2016).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 226, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Hữu K, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số nhà 68, ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số nhà 150, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà 789, ấp 4, xã Ba Sao, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 148B, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số nhà 148A, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1969;

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Th: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số nhà 103, đường Chi Lăng, phường 3, thành phố C, Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2016).

8. Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1999;

9. Nguyễn Ngọc K1, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Số nhà 148, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L1 và chị K1: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970 (Có mặt). Địa chỉ: Số nhà 103, đường Chi Lăng, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2019).

10. Phạm Thị Lệ, sinh năm 1964 (Có mặt);

11. Nguyễn Quang C1, sinh năm 1994 (Có mặt);

12. Nguyễn Thị P1, sinh năm 1996 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà 115A, ấp Khánh Mỹ B, xã Tân Khánh Trung, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ủy ban nhân dân huyện L (Có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 80, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án.

- Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 29/12/2015 của bà Lê Thị T; Tờ tường trình ngày 23/6/2016 khai; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, do bà Lê Thị T (Đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T trình bày:

Ông Nguyễn Văn D1 và bà Lê Thị T là vợ chồng.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông D1 và bà T tạo lập trong quá trình chung sống. Vào ngày 20/01/1993, ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tổng diện tích đất là 18.613m² cụ thể như

sau: Diện tích đất 3.800m² thuộc thửa 151, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng: 2L; Diện tích đất 2.132m² thuộc thửa 474, tờ bản đồ số 5a, mục đích sử dụng: LNK; Diện tích đất 300m² thuộc thửa 473a, tờ bản đồ số 51, mục đích sử dụng: T; Diện tích đất 5.281m² thuộc thửa 473b, tờ bản đồ số 5a, mục đích sử dụng: LNK; Diện tích đất 7.100m² thuộc thửa 228b, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: 2L;

Ông D1 và bà T có 08 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Hữu P (Chết năm 1997), bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu Đ2 (Chết năm 2014).

Vào ngày 16/10/1999, ông Nguyễn Văn D1 chết, không để lại di chúc.

Vào ngày 30/10/2008, bà Lê Thị T có Đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất với nội dung “*Xin điều chỉnh tên từ Nguyễn Văn D1 thành Lê Thị T vì chủ cũ đã chết*”. Vào ngày 09/6/2009, hộ bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với tổng diện tích đất 18.613m², cụ thể: Diện tích đất 2.132m² thuộc thửa 718, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Diện tích đất 7.100m² thuộc thửa 885, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Diện tích đất 3.800m² thuộc thửa 722, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Diện tích đất 5.581m² thuộc thửa 717, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: 300m² đất ở tại nông thôn và 5.281m² đất trồng cây lâu năm.

Đến ngày 02/7/2012, hộ bà Lê Thị T có Đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất và ngày 07/8/2013, hộ bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích đất là 18.578,2m², cụ thể: Diện tích đất 3.162,2m² thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 38, mục đích sử dụng: 300m² ONT và 2.862,2m² CLN; Diện tích đất 4.360m² thuộc thửa 109, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: CLN; Diện tích đất 3.858m² thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Diện tích đất 7.198m² thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

Ngày 05/10/2015, bà Lê Thị T lập hợp đồng tặng, cho anh Nguyễn Trung Q (Con ruột của ông Đ2) toàn bộ các diện tích thuộc các thửa đất nói trên.

Vào ngày 19/10/2015, anh Nguyễn Trung Q được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 04 thửa đất nói trên.

Đến ngày 29/12/2015, bà Lê Thị T có Đơn khởi kiện yêu cầu hủy 04 hợp đồng tặng, cho đối với 04 thửa đất nói trên. Bởi vì, bà T cho rằng anh Q đã lừa dối bà trong việc thực hiện thủ tục tặng, cho quyền sử dụng đất mà không phải là sự tự nguyện của bà. Vì vậy bà T yêu cầu: Hủy 04 hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất 04 thửa đất 96, 109, 110, 118 giữa hộ bà Lê Thị T và anh Nguyễn Trung Q vào ngày 05/10/2015.

Vào ngày 28/9/2018, bà Lê Thị T chết, không để lại di chúc.

Do đó, vào ngày 10/10/2018 bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D có Đơn khởi kiện V/v yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất, là di sản của bà T để lại. Bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D xác định: Do ông Nguyễn Văn D1 và bà Lê Thị T đã cho đất các con trước khi chết nên các ông, bà nói trên yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị N được hưởng diện tích đất 2.000m² thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

+ Ông Nguyễn Hữu K được hưởng diện tích đất 2.000m² thuộc một phần thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

+ Ông Nguyễn Hữu Đ được hưởng diện tích đất 384m² thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38 và diện tích đất 360m² thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

+ Bà Nguyễn Thị H1 được hưởng diện tích đất 2.000m² thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

+ Bà Nguyễn Thị Đ1 được hưởng diện tích đất 100m² thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn và diện tích đất 3.198m² thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

+ Ông Nguyễn Hữu D được hưởng diện tích đất 1.000m² thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

Bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D thống nhất:

+ Anh Nguyễn Trung Q, bà Nguyễn Ngọc Th, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 được hưởng diện tích đất 100m² đất ở nông thôn và 1.000m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38; Diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

+ Giao cho bà Nguyễn Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất và sở hữu căn nhà của cha mẹ và các diện tích 100m² đất ở nông thôn và 478m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38; Diện tích đất 3.585m² thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước dùng vào việc hương hỏa, cúng giỗ ông, bà, cha, mẹ.

Toàn bộ các diện tích đất, nhà nói trên tọa lạc tại ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* Tại Văn bản ghi ý kiến ngày 22/01/2016 của anh Nguyễn Trung Q; Bản ghi ý kiến vào ngày 05/7/2018 của ông Vũ Tuấn A; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Trung Q, có ông Vũ Tuấn A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn D1 và bà Lê Thị T là vợ chồng.

Ông D1 và bà T có 08 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Hữu P (Chết năm 1997), bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu Đ2 (Chết năm 2014).

Vào ngày 16/10/1999, ông Nguyễn Văn D1 chết, không để lại di chúc.

Ông Nguyễn Hữu Đ2 và bà Nguyễn Ngọc Th là vợ chồng.

Ông Đ2 và Bà Th có 03 người con chung gồm: Anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1 và chị Nguyễn Ngọc K1.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông D1 và bà T tạo lập. Ông D1 kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 18.578,2m² vào ngày 20/01/1993. Diện tích đất nói trên thể hiện tại 04 thửa đất và mục đích sử dụng đúng như lời trình bày của các cô, bác anh Q. Sau khi ông D1 chết, bà T đã thực hiện thủ tục thay đổi chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đến ngày 07/8/2013, hộ bà Lê Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tương ứng diện tích đất ông D1 được cấp quyền sử dụng. Đất tọa lạc tại ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm hộ bà Lê Thị T được cấp quyền sử dụng đất gồm có 06 thành viên: Bà Lê Thị T, ông Nguyễn Hữu Đ2, bà Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1.

Vào ngày 05/10/2015, bà T và tất cả thành viên hộ của bà T đã tự nguyện ký vào hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất cho anh Q toàn bộ các diện tích đất thuộc 04 thửa: 96, 109, 110, 118. Hợp đồng tặng, cho được Ủy ban nhân dân xã T2 chứng thực theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14 – 19/10/2015, anh Nguyễn Trung Q được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất do hộ bà T đã tặng, cho.

Anh Nguyễn Trung Q xác định các diện tích đất tranh chấp không phải là di sản của bà Lê Thị T. Anh Q không đồng ý chia thừa kế di sản của bà Lê Thị T theo yêu cầu của bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D.

Anh Q đồng ý cho bà Nguyễn Thị Đ1 được quyền sử dụng diện tích đất 2.000m² thuộc một phần thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69 và diện tích đất 168m² thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ 38 mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.

Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D, anh Q yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật và yêu cầu của bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D trả giá cây trồng trên đất cho anh Q. Cụ thể:

+ Anh Q đồng ý nhận các diện tích có vị trí do bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D thống nhất chia cho anh Q.

+ Đối với căn nhà bà H1 yêu cầu chia, anh Q không đồng ý. Bởi vì, căn nhà chính và nhà phụ có kết cấu liên quan đến nhau. Từ trước đến nay, bà H1 không sử dụng căn nhà này mà lập gia đình và sinh sống ở nơi khác. Căn nhà

này, gia đình anh Q đã sử dụng liên tục từ lâu. Vì vậy, anh Q yêu cầu được tiếp tục sử dụng.

* Bà Nguyễn Ngọc Th, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 có ông Vũ Tuấn A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Th là mẹ ruột của anh Nguyễn Trung Q, là con dâu của bà Lê Thị T.

Thúy L1 và chị K1 là em ruột của anh Q, là cháu nội của bà T và hiện nay Bà Th, chị Lan, chị K1 đang sống chung trong hộ gia đình với anh Nguyễn Trung Q.

Nay Bà Th, chị Lan và chị K1 thống nhất với ý kiến, nội dung vụ việc do anh Nguyễn Trung Q trình bày.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 110/2019/DS – ST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu K.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị T: Sổ bìa BK 654705, sổ vào sổ CH04155, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, diện tích được cấp 4.360m², được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 07/8/2013, đất trồng cây lâu năm; sổ bìa BK 654706, sổ vào sổ CH04156, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 33, diện tích được cấp 3.858m², đất chuyên trồng lúa nước, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 07/8/2013; sổ bìa BK 654707, sổ vào sổ CH04157, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, diện tích được cấp 7.198m², đất chuyên trồng lúa nước, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 07/8/2013; Sổ bìa BK 654708, sổ vào sổ CH04158, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38, diện tích được cấp 3.162m², đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 07/8/2013, cùng do hộ bà Lê Thị T đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị T và anh Nguyễn Trung Q đối với các thửa đất trên, được Ủy ban nhân dân xã T2 ký chứng thực cùng ngày 05/10/2015.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Trung Q đứng tên gồm: Sổ bìa BK 654705, sổ vào sổ CH04155, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, diện tích được cấp 4.360m², được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 14/10/2015, đất trồng cây lâu năm; sổ bìa BK 654706, sổ vào sổ CH04156, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 33, diện tích được cấp 3.858m², đất chuyên trồng lúa nước, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 19/10/2015; sổ bìa BK 654707, sổ vào sổ CH04157, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, diện tích được cấp 7.198m², đất chuyên trồng lúa nước, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 19/10/2015; Sổ bìa BK 654708, sổ vào sổ CH04158, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38, diện tích được cấp 3.162m², đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày

14/10/2015 cùng do anh Nguyễn Trung Q đứng tên quyền sử dụng đất, đất cùng tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu K.

- Bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 2.130m^2 , thuộc một phần của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng có trên đất gồm: 01 cây dừa; 68 cây cóc; 61 cây cam; 01 cây mít; diện tích 3.858m^2 , thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 33, đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng có trên đất cho anh Nguyễn Trung Q là 22.230.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 có nghĩa vụ giao diện tích 2.130m^2 thuộc một phần của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng có trên đất gồm: 01 cây dừa; 68 cây cóc; 61 cây cam; 01 cây mít cho bà Nguyễn Thị H1 sử dụng.

- Bà Nguyễn Thị Đ1 được quyền sử dụng diện tích $190,7\text{m}^2$, trong đó 100m^2 đất ONT và $90,7\text{m}^2$ đất CLN, thuộc một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ 38 và toàn bộ cây trồng có trên đất gồm: 01 cây xoài; 01 cây sơ ri; 02 cây nhãn; 01 cây chùm ruột; 01 cây mít; diện tích 3.198m^2 , thuộc một phần của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 có nghĩa vụ giao thửa đất số 96, tờ bản đồ 38, diện tích $190,7\text{m}^2$, trong đó 100m^2 đất ONT và $90,7\text{m}^2$ đất CLN và toàn bộ cây trồng có trên đất gồm: 01 cây xoài; 01 cây sơ ri; 02 cây nhãn; 01 cây chùm ruột; 01 cây mít; một phần của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, diện tích 3.198m^2 , đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho bà Nguyễn Thị Đ1 sử dụng.

- Ông Nguyễn Hữu D được quyền sử dụng diện tích 1.000m^2 , đất CLN, một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38 và toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 09 cây xoài; 02 cây nhãn; 01 cây mù u, 02 bụi tre, 19 cây cóc, 10 cây cam, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho anh Nguyễn Trung Q là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 có nghĩa vụ giao diện tích 1.000m^2 , đất CLN, thuộc một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ 38 và toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 09

cây xoài; 02 cây nhãn; 01 cây mù u, 02 bụi tre, 19 cây cóc, 10 cây cam cho ông Nguyễn Hữu D sử dụng.

- Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích 2.005m², đất CLN, một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38 và toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 01 bụi tre, 02 cây dừa, 02 cây xoài, 83 cây cam, 01 cây xương cá, 02 bụi trúc, 10 cây tràm, 01 cây mít, 01 cây xoài, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho anh Nguyễn Trung Q là 2.490.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 có nghĩa vụ giao diện tích 2.005m², đất CLN, thuộc một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ 38 và toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 01 bụi tre, 02 cây dừa, 02 cây xoài, 83 cây cam, 01 cây xương cá, 02 bụi trúc, 10 cây tràm, 01 cây mít, 01 cây xoài cho bà Nguyễn Thị N sử dụng.

+ Ông Nguyễn Hữu K được quyền sử dụng diện tích 2.000m², đất chuyên trồng lúa nước, thuộc một phần của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 có nghĩa vụ giao diện tích 2.000m², đất chuyên trồng lúa nước, thuộc một phần của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho ông K quản lý, sử dụng.

+ Ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng diện tích 303m², đất CLN, một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ 38; diện tích 410,6m², đất CLN, thuộc một phần của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 có nghĩa vụ giao diện tích 303m², đất CLN, một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ 38; diện tích 410,6m², đất CLN, thuộc một phần của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho ông Nguyễn Văn Đ sử dụng.

+ Anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 được quyền sử dụng diện tích 277,7m² (trong đó 100m² đất ONT, 177,7m² đất CLN) thuộc một phần của thửa đất số 96, tờ bản đồ số 38; diện tích 1.100m² (Trong đó 100m² đất ONT, 1.000m² đất CLN), thuộc một phần của thửa đất số 96 và toàn bộ nhà, cây trồng có trên đất gồm: 02 cây nhãn, 05 cây xoài, 02 cây mận, 05 cây mít, 01 cây điều, 01 cây mù u, 01 cây bằng lăng; diện tích 2.000m², thuộc một phần của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69, đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự nói trên phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai để được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích được công nhận.

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2019 của Tòa án và 02 sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 15/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo)

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 21.698.800 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự. Các đương sự thống nhất trừ vào số tiền bà Lê Thị T đã nộp tạm ứng án phí tổng cộng 28.590.000 đồng. Trong đó 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngày 07/01/2016 theo biên lai thu số BN/2013/00293 và 28.390.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) nộp ngày 07/3/2016 theo biên lai thu số BN/2013/00323 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại 6.891.200 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi một nghìn hai trăm đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ1 phải nộp 14.609.600 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 17/9/2018 theo biên lai thu số BH/2017/0003042 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà Nguyễn Thị Đ1 phải nộp thêm 14.309.600 đồng (Mười bốn triệu ba trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng).

- Buộc ông Nguyễn Hữu D phải nộp 1.294.500 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 17/9/2018 theo biên lai thu số BH/2017/0003044 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Nguyễn Hữu D phải nộp thêm 994.500 đồng (Chín trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 3.211.000 đồng (Ba triệu hai trăm mười một nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 17/9/2018 theo biên lai thu số BH/2017/0003043 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp thêm 2.911.000 đồng (Hai triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp 9.386.000 đồng (Chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 17/9/2018 theo biên lai thu số BH/2017/0003040 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà Nguyễn Thị N phải nộp thêm 9.086.000 đồng (Chín triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Hữu K phải nộp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 17/9/2018 theo biên lai thu số BH/2017/0003041 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Nguyễn Hữu K phải nộp thêm 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 cùng liên đới nộp 17.324.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đối với án phí hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tổng cộng là 17.624.000 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Chưa nộp).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản :

- Tổng cộng là 15.261.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng). Mỗi người phải chịu là 2.180.000 đồng. Số tiền này bà Nguyễn Thị H1 đã nộp đủ, chi xong.

- Bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chịu phần của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu K.

- Buộc anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H1 là 2.180.000 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2019, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 18/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án số 110/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D yêu cầu được trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà trên diện tích đất 277.7m² thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 33 để được thờ cúng cha, mẹ.

Vào ngày 23/11/2020, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, không yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

- Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với Bản án số 110/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L và đề nghị Sửa bản án sơ thẩm. Nội dung kháng nghị:

+ Chia thừa kế tổng giá trị các diện tích đất cho 07 phần (Tổng giá trị là 1.251.150.000 đồng : 7 = 178.736.000 đồng) là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn. Bởi vì các diện tích đất tranh chấp không cùng một loại đất nên giá trị đất sử dụng cũng không bằng nhau.

+ Việc Tòa cấp sơ thẩm giao cho anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Ngọc K1 được tiếp tục quản lý căn nhà gắn liền diện tích đất 277.7m² để thờ cúng ông, bà là chưa phù hợp. Bởi vì, khi bà T còn sống, anh Q đã có hành vi không tốt với bà. Ông Đ2 và anh Q không có việc phụng dưỡng, tôn tạo, quản lý, thờ cúng ông, bà. Khi bà T còn sống có nguyện vọng giao căn nhà gắn liền với diện tích đất 277.7m² cùng toàn bộ cây trồng cho các anh, chị, em bà H1. Vì vậy, bà H1 yêu cầu được hưởng căn nhà và diện tích đất 277.7m² để thực hiện việc thờ cúng ông, bà là phù hợp.

+ Các bên thỏa thuận dành một lối đi trên diện tích đất thuộc thửa đất số 96 và 109 có chiều ngang 03 mét, chiều dài hết đất nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét. Cũng như việc công nhận thỏa thuận của những người thừa kế đối với lối đi nói trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho những người thừa kế được chia tại các diện tích đất phía sau.

+ Phần quyết định tại bản án về việc giao các diện tích đất thừa kế nhưng không được Tòa án xác định các mốc giới, vị trí là chưa đầy đủ, chưa đúng gây khó khăn trong việc thi hành bản án.

Anh Nguyễn Trung Q, có ông Vũ Tuấn A không đồng ý với nội dung do bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D trình bày và kháng cáo. Anh Q không trình bày ý kiến bổ sung về nội dung của vụ án bởi vì, Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng và nội dung của vụ án. Anh Q, có ông A đại diện theo ủy quyền đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông Nguyễn Văn D1 và bà Lê Thị T tạo lập trong quá trình chung sống.

Vào ngày 20/01/1993, ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với tổng diện tích đất là 18.613m² cụ thể như sau: Diện tích đất 3.800m² thuộc thửa 151, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng: 2L; Diện tích đất 2.132m² thuộc thửa 474, tờ bản đồ số 5a, mục đích sử dụng: LNK; Diện tích đất 300m² thuộc thửa 473a, tờ bản đồ số 51, mục đích sử dụng: T; Diện tích đất 5.281m² thuộc thửa 473b, tờ bản đồ số 5a, mục đích sử dụng: LNK; Diện tích đất 7.100m² thuộc thửa 228b, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: 2L.

Vào ngày 16/10/1999, ông Nguyễn Văn D1 chết, không để lại di chúc.

[2] Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất của hộ bà Lê Thị T:

Vào ngày 30/10/2008, bà Lê Thị T có Đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất với nội dung “*Xin điều chỉnh tên từ Nguyễn Văn D1 thành Lê Thị T vì chủ cũ đã chết*”. Thủ tục đăng ký biến động về quyền sử dụng đất của bà T không có các con ruột của bà T và ông D1 ký tên, cũng không có thủ tục từ chối quyền thừa kế hoặc thống nhất để bà T được đứng tên quyền sử dụng đất, là phần di sản do ông D1 chết để lại.

Vào ngày 09/6/2009, hộ bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích đất 18.613m², cụ thể: Diện tích đất 2.132m² thuộc thửa 718, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Diện tích đất 7.100m² thuộc thửa 885, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Diện tích đất 3.800m² thuộc thửa 722, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Diện tích đất 5.581m² thuộc thửa 717, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: 300m² đất ở tại nông thôn và 5.281m² đất trồng cây lâu năm.

Đến ngày 02/7/2012, hộ bà Lê Thị T có Đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 07/8/2013. Hộ bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích đất là 18.578,2m², cụ thể: Diện tích đất 3.162,2m² thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 38, mục đích sử dụng: 300m² ONT và 2.862,2m² CLN; Diện tích đất 4.360m² thuộc thửa 109, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: CLN; Diện tích đất 3.858m² thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 33, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Diện tích đất 7.198m² thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

Tuy nhiên, trong quá trình kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Lê Thị T, các con ruột của bà T không có ý kiến, khiếu nại và tranh chấp.

[3] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị T khởi kiện anh Nguyễn Trung Q. Bà T yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Lê Thị T, hủy hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất giữa hộ bà Lê Thị T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho anh Nguyễn Trung Q.

Thể hiện tại hồ sơ: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông D1 và bà T tạo lập. Ông D1 kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 18.578,2m² vào ngày 20/01/1993. Do đó, tổng diện tích đất 18.578,2m² có ½ diện tích thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Lê Thị T. Sau khi ông D1 chết, vào ngày 30/10/2008 bà Lê Thị T có Đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất với nội dung “*Xin điều chỉnh tên từ Nguyễn Văn D1 thành Lê Thị T vì chủ cũ đã chết*” và sau đó hộ bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn D1 thống nhất ký tên vào thủ tục thừa kế. Như vậy, về thủ tục pháp lý chỉ có ½ diện tích đất là di sản của ông Nguyễn Văn D1.

Hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất giữa hộ bà Lê Thị T và anh Nguyễn Trung Q vào ngày 05/10/2015 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là đúng quy định, bà T và từng thành viên hộ bà T thừa nhận là tự nguyện. Tòa cấp sơ thẩm nhận định “*Ông D1 chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 gồm bà T và các con. Tuy nhiên, bà T chỉ làm thủ tục điều chỉnh xin thay đổi tên chủ sử dụng đất là không đúng mà phải làm thủ tục thừa kế. Do đó, bà T sang tên mà không có sự thống nhất ký tên thủ tục thừa kế cho bà T là không đúng quy định. Do đó, không có giá trị về mặt pháp lý, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi là phù hợp*”.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị T và cho anh Nguyễn Trung Q rõ ràng không đúng trình tự, thủ tục. Theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết là vi phạm về thẩm quyền.

[4] Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ cùng lời trình bày của các bên đương sự cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót sau đây:

- Về tố tụng:

+ Tòa cấp sơ thẩm đã đưa 02 người con (Anh C1 và chị P1) của ông Nguyễn Hữu P tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế thế vị. Tại Biên bản hòa giải ngày 12/4/2018 (Lúc này bà T vẫn còn sống) của Tòa án nhân dân huyện L, bà Lê (Vợ ông P) và anh C1 không có ý kiến gì khác bởi vì khi còn sống, bà T và ông D1 đã cho ông P diện tích đất 3.200m² (Thực tế chỉ sử dụng 2.000m² theo sự thừa nhận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm).

Như vậy, thời điểm này chưa phát sinh quan hệ pháp luật thừa kế bởi vì bà T còn sống.

+ Bà Lê Thị T chết vào ngày 28/9/2018, những người thừa kế hợp pháp của bà T gồm: Bà N, ông K, ông Đ, bà H1, bà Đ1, ông D đã khởi kiện và yêu cầu chia thừa kế di sản của bà T.

Do anh C1, chị P1 có Đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất của bà T và không được Tòa cấp sơ thẩm thông báo với tư cách là hàng thừa kế hợp pháp của bà T (Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hữu P) đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T nên anh C1, chị P1 hoàn toàn không biết để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Bên cạnh đó, hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hữu P là anh Nguyễn Quang C1 và chị Nguyễn Thị P1 không được Tòa cấp sơ thẩm tổng đạt Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2019/DS-ST ngày 25/11/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C1 và chị P1 khẳng định: Anh, chị không có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hữu P, chị P1 có yêu cầu được chia di sản thừa kế của bà Lê Thị T. Trường hợp, bản án sơ thẩm

không xem xét và giải quyết chia thừa kế cho anh C1, chị P1 thì anh, chị sẽ kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thuộc hàng thừa kế của bà Lê Thị T thừa nhận: Ngoài anh C1, chị P1 thì ông Nguyễn Hữu P còn có 02 người con riêng với người vợ trước và đã ly hôn. Hai người con riêng của ông P tên là Nguyễn Quốc Th1 (T), sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1987 hiện có địa chỉ cụ thể tại huyện C2, tỉnh Đồng Tháp. Anh Th1 và chị Y chưa được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế thế vị của ông P.

- Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn D1 và bà Lê Thị T có 08 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Hữu P (Chết năm 1997), bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu Đ2 (Chết năm 2014) nhưng Tòa cấp sơ thẩm chỉ xem xét và chia di sản thành 07 phần, không chia cho hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hữu P.

Thể hiện tại hồ sơ không có Văn bản từ chối chia di sản hoặc ý kiến không yêu cầu chia thừa kế của các con ông P. Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định *“Ông P đã chết. Hàng thừa kế thế vị của ông P gồm các con: Nguyễn Quang C1, Nguyễn Thị P1. Do anh C1 và chị P1 không yêu cầu gì trong vụ án này, không yêu cầu chia thừa kế nên không xem xét chia”* (Tại dòng 9, 10, 11 của trang 9 tính từ trên xuống) nhưng thể hiện tại hồ sơ không có Văn bản và ý kiến từ chối của họ là không đúng.

Ngoài ra, tại hồ sơ có thể hiện: Diện tích đất 1.208m² thuộc thửa số 119 là di sản của bà Lê Thị T. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xác định cụ thể với hàng thừa kế hợp pháp của bà T có yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất nói trên hay không? Bản án cũng không có nhận định đối với di sản này cụ thể như thế nào là thiếu sót.

Từ nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp cùng việc thu thập, đánh giá chứng cứ và xem xét toàn diện của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đầy đủ về hình thức và nội dung, đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đối với các vi phạm này, Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại theo trình tự, thủ tục chung.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[5] Vào ngày 23/11/2020, người kháng cáo là bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D có Đơn xin rút đơn kháng cáo, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D.

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là hủy bản án sơ thẩm do vi phạm về thẩm quyền, vi phạm về tố tụng và nội dung của vụ án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Lệnh Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại theo thủ tục chung.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Hữu D mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008979 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Hữu K đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008977 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Hữu Đ) đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008978 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị H1 đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008980 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Đ1 đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008981 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Hữu D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008982 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Liên Hiệp